

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 7 - 2021

V/v chị S xin ly hôn anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Văn Kiều

2. Bà Dương Thị Vui

- T ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn T - T ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021. Về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Lại Thị S - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm Bảo Điện, xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Anh Ngô Văn T - Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Đội 13, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt chị S và anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 18/3/2021 cũng như lời khai nguyên đơn là chị Lại Thị S trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Ngô Văn T vào tháng 01/2012, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, anh T nghi ngờ, ghen tuông đánh chửi chị. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng không

được cải thiện. Từ tháng 12/2020 đến nay chị và anh T sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên chị xin được ly hôn anh Ngô Văn T. Về con chung giữa chị và anh Ngô Văn T có hai con chung là Ngô Quang Th sinh ngày 01/12/2012 và Ngô Minh T sinh ngày 12/01/2018, hiện đang do anh T nuôi dưỡng, nay chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và chị có đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con chung nên chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Nếu chị không được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung thì chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Minh T còn cháu Ngô Quang Th để anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung giữa chị và anh Ngô Văn T thì chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là anh Ngô Văn T trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa có lời khai trình bày đúng như lời khai của chị Lại Thị S về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh và chị S. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2019, nguyên nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm sống và do chị S sống không chung thủy với anh trong quan hệ vợ chồng nên trong cuộc sống vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh và chị S không được cải thiện. Từ tháng 11/2020 đến nay anh và chị S đã sống ly thân nhau, nay chị S xin ly hôn anh thì anh nhất trí. Về con chung giữa anh và chị Lại Thị S có hai con chung là Ngô Quang Th sinh ngày 01/12/2012 và Ngô Minh T sinh ngày 12/01/2018, hiện đang do anh nuôi dưỡng. Nay anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và anh có đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng các con nên anh không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung giữa anh và chị Lại Thị S thì anh không yêu cầu giải quyết. Về án phí, anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lại Thị S và anh Ngô Văn T; Về con chung: giao cháu Ngô Quang Th sinh ngày 01/12/2012 cho anh Ngô Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Ngô Minh T sinh ngày 12/01/2018 cho chị Lại Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị tuyên chị S phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lại Thị S và anh Ngô Văn T đều cư trú tại huyện N, tỉnh N, nay chị S xin ly hôn anh T và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Lại Thị S và anh Ngô Văn T được tổ chức kết hôn vào tháng 01/2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị S và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau và do anh T nghi ngờ chị S sống không chung thủy trong quan hệ vợ chồng. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh T không được cải thiện. Từ tháng 12/2020 đến nay chị S và anh T sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh T đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị S xin được ly hôn anh T và phía anh T cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Lại Thị S và anh Ngô Văn T có hai con chung là Ngô Quang Th sinh ngày 01/12/2012 và Ngô Minh T sinh ngày 12/01/2018, hiện đang do anh T nuôi dưỡng. Thấy chị S và anh T đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và hai bên đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng tốt các con chung nên giao cho anh T và chị S mỗi người nuôi dưỡng một con chung là phù hợp. Thấy cháu Th có nguyện vọng được ở cùng anh T nên giao cháu Th cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu T cho chị S nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Hiện anh Ngô Văn T đang nuôi dưỡng cháu Ngô Quang Th và cháu Ngô Minh T, anh Ngô Văn T có trách nhiệm giao lại cháu Ngô Minh T cho chị lại Thị S nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Chị Lại Thị S và anh Ngô Văn T đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của anh chị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Lại Thị S phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lại Thị S và anh Ngô Văn T.

2- Về con chung: Giao cháu Ngô Quang Th sinh ngày 01/12/2012 cho anh Ngô Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Ngô Minh T sinh ngày 12/01/2018 cho chị Lại Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện anh Ngô Văn T đang nuôi dưỡng cháu Ngô Quang Th và cháu Ngô Minh T. Anh Ngô Văn T có trách nhiệm giao lại cháu Ngô Minh T cho chị Lại Thị S nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm, chị Lại Thị S phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Lại Thị S đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2019/0004213 ngày 27/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Lại Thị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị S và anh T. Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKS huyện N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký))

Trần Xuân Dũng